

Phụ lục 01
BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2025 của Chủ tịch UBND huyện Ba Tơ)

STT	Nội dung	Dự toán được duyệt			Giá trị đơn vị đề nghị quyết toán			Giá trị quyết toán			Tăng (+), giảm (-) so với dự toán			Tăng (+), giảm (-) so với số đơn vị trình duyệt		
		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:	
			Tại thị trấn Ba Tơ	Tại xã Ba Trang		Tại thị trấn Ba Tơ	Tại xã Ba Trang		Tại thị trấn Ba Tơ	Tại xã Ba Trang		Tại thị trấn Ba Tơ	Tại xã Ba Trang		Tại TT Ba Tơ	Tại xã Ba Trang
1	2	3=4+5	4	5	6=7+8	7	8	9=10+11	10	11	12=13+14	13=10-4	14=11-5	15=16+17	16=10-7	17=11-8
	Tổng số	2.239.993.161	2.129.905.900	110.087.261	2.127.235.000	2.022.867.000	104.368.000	2.127.235.000	2.022.867.000	104.368.000	-112.758.165	-107.038.904	-5.719.261	-	-	-
1	Kinh phí bồi thường trực tiếp	2.063.320.780	1.963.951.960	99.368.820	2.063.319.000	1.963.951.000	99.368.000	2.063.319.000	1.963.951.000	99.368.000	-1.780	-960	-820	-	-	-
2	Chi phí phục vụ bồi thường	63.918.559	58.918.559	5.000.000	63.916.000	58.916.000	5.000.000	63.916.000	58.916.000	5.000.000	-2.559	-2.559	-	-	-	-
2.1	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện	52.413.218	48.313.218	4.100.000	52.413.000	48.313.000	4.100.000	52.413.000	48.313.000	4.100.000	-218	-218	-	-	-	-
2.2	UBND huyện	1.278.371	1.178.371	100.000	1.278.000	1.178.000	100.000	1.278.000	1.178.000	100.000	-371	-371	-	-	-	-
2.3	Phòng TN và MT	3.195.928	2.945.928	250.000	3.195.000	2.945.000	250.000	3.195.000	2.945.000	250.000	-928	-928	-	-	-	-
2.4	Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh, chi nhánh huyện Ba Tơ	639.186	589.186	50.000	639.000	589.000	50.000	639.000	589.000	50.000	-186	-186	-	-	-	-
2.5	UBND thị trấn Ba Tơ	5.891.856	5.891.856		5.891.000	5.891.000		5.891.000	5.891.000		-856	-856	-	-	-	-
2.6	UBND xã Ba Trang	500.000		500.000	500.000		500.000	500.000		500.000	-	-	-	-	-	-
3	Chi phí dự phòng thực hiện cưỡng chế kiểm đếm và cưỡng chế thu hồi đất	6.391.856	5.891.856	500.000	-	-	-	-	-	-	-6.391.856	-5.891.856	-500.000	-	-	-
4	Dự phòng chi	106.361.970	101.143.529	5.218.441	-	-	-	-	-	-	-106.361.970	-101.143.529	-5.218.441	-	-	-

Phụ lục 02 BẢNG TỔNG HỢP CÔNG NỢ PHẢI TRẢ (Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2025 của Chủ tịch UBND huyện Ba Tơ)																
STT	Nội dung	Dự toán được duyệt			Giá trị đơn vị đề nghị quyết toán			Giá trị quyết toán			Đã thanh toán			Còn phải trả		
		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:	
			Tại thị trấn Ba Tơ	Tại xã Ba Trang		Tại thị trấn Ba Tơ	Tại xã Ba Trang		Tại thị trấn Ba Tơ	Tại xã Ba Trang		Tại thị trấn Ba Tơ	Tại xã Ba Trang		Tại thị trấn Ba Tơ	Tại xã Ba Trang
1	2	3=4+5	4	5	6=7+8	7	8	9=10+11	10	11	12=13+14	13	14	15=16+17	16	17
	Tổng số	2.239.993.161	2.129.905.900	110.087.261	2.127.235.000	2.022.867.000	104.368.000	2.127.235.000	2.022.867.000	104.368.000	2.063.319.000	1.963.951.000	99.368.000	63.916.000	58.916.000	5.000.000
1	Kinh phí bồi thường trực tiếp	2.063.320.780	1.963.951.960	99.368.820	2.063.319.000	1.963.951.000	99.368.000	2.063.319.000	1.963.951.000	99.368.000	2.063.319.000	1.963.951.000	99.368.000	-	-	-
2	Chi phí phục vụ bồi thường	63.918.559	58.918.559	5.000.000	63.916.000	58.916.000	5.000.000	63.916.000	58.916.000	5.000.000	-	-	-	63.916.000	58.916.000	5.000.000
2.1	Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ huyện	52.413.218	48.313.218	4.100.000	52.413.000	48.313.000	4.100.000	52.413.000	48.313.000	4.100.000	-	-	-	52.413.000	48.313.000	4.100.000
2.2	UBND huyện	1.278.371	1.178.371	100.000	1.278.000	1.178.000	100.000	1.278.000	1.178.000	100.000	-	-	-	1.278.000	1.178.000	100.000
2.3	Phòng TN và MT	3.195.928	2.945.928	250.000	3.195.000	2.945.000	250.000	3.195.000	2.945.000	250.000	-	-	-	3.195.000	2.945.000	250.000
2.4	Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh, chi nhánh huyện Ba Tơ	639.186	589.186	50.000	639.000	589.000	50.000	639.000	589.000	50.000	-	-	-	639.000	589.000	50.000
2.5	UBND thị trấn Ba Tơ	5.891.856	5.891.856		5.891.000	5.891.000		5.891.000	5.891.000		-	-	-	5.891.000	5.891.000	-
2.6	UBND xã Ba Trang	500.000		500.000	500.000		500.000	500.000		500.000	-	-	-	500.000	-	500.000
3	Chi phí dự phòng thực hiện cưỡng chế kiểm đếm và cưỡng chế thu hồi đất	6.391.856	5.891.856	500.000	-	-	-	-	-	-				-	-	-
4	Dự phòng chi	106.361.970	101.143.529	5.218.441	-	-	-	-	-	-				-	-	-